

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ - ST

Ngày 31/7/2017.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh ;
2/ Bà Lê Thị Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2017/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H

- Bị đơn: Anh Lê Đức H

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2017 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Đoàn Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Đức H có tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 10/6/1987 (âm lịch) và chung sống với nhau như vợ chồng mãi đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì anh H thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến vợ con, chị đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh H không nghe mà anh H còn thường xuyên chửi bới, không tôn trọng, xúc phạm đến chị, từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh chị sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng đã hết. Nay, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có 03 con chung tên Lê Đức Duy T, sinh ngày 19/01/1988; Lê Đức Duy M, sinh ngày 09/10/1990; Lê Đức Duy T, sinh ngày 06/12/2008. Hai cháu T, M đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu T hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Lê Đức H trình bày: Anh và chị H có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 6/1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến nay anh, chị đã có với nhau ba con chung như chị H trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc và có hai con chung là T, M thì xảy ra mâu thuẫn, anh bỏ nhà đi, lâu lâu mới về nhà một lần, được hai bên gia đình khuyên nhủ nên anh đã về chung sống với chị H, đến năm 2008 thì vợ chồng có thêm 01 con chung tên T. Khi sinh con thứ ba thì vợ chồng anh lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, giữa anh chị luôn bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, năm 2009 anh bỏ đi không chung sống với chị H nữa. Nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng, anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất như lời chị H trình bày, hai con T, M đã trưởng thành có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu T sinh ngày 06/12/2008 hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở, theo đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Đoàn Thị H và Lê Đức H; giao con chung tên T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu; nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Lê Đức H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/1987 đến nay. Anh chị có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian chung sống anh chị sống có hạnh phúc và có ba con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, thực tế anh chị không sống chung với nhau đã hơn 8 năm. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh H là vợ chồng, anh H đồng ý.

Tại Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội, ngày 09/6/2000 quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Như vậy, việc chị H, anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/1987 đến nay không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận. Do vậy, cần áp dụng Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội, ngày 09/6/2000 không công nhận chị H và anh H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 03 con chung tên Lê Đức Duy T, sinh ngày 19/01/1988; Lê Đức Duy M, sinh ngày 09/10/1990; Lê Đức Duy T, sinh ngày 06/12/2008. Trong đó, hai cháu T, M đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng hai cháu T, M, còn cháu Lê Đức Duy T, sinh ngày 06/12/2008 quá trình Tòa hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H, chị H tự nguyện thỏa thuận giao cháu Lê Đức Duy T, sinh ngày 06/12/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nội dung thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của cháu T, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; Chị H phải chịu 300.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14,

15, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

[1] Về hôn nhân: Không công nhận chị Đoàn Thị H và anh Lê Đức H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị H và anh H về nuôi con chung như sau:

Giao cháu Lê Đức Duy T, sinh ngày 06/12/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Đoàn Thị H phải chịu nhưng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0004137, ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Sơn Đặng Văn Minh

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

